

Công ty Cổ phần Gemadept (GMD: HOSE)

Ngày báo cáo: 28/04/2025
Ngành: Vận tải
TPPT: Nguyễn Hoàng Giang, CFA
Email: gjangnh@ssi.com.vn
SĐT: +84-24 3936 6321 ext. 8703

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: 58.800 Đồng
Giá CP ngày 28/04/2025: 51.000 Đồng
% Tăng giá: +15%

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 871
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 21.430
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 420
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 2.010.184
Giá cao/thấp nhất 52T (ND): 72,1/42,2
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 107,2
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 39,7
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0,0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Vào thời điểm thành lập, Gemadept là một công ty nhà nước trực thuộc Vinalines, GMD trở thành một trong ba công ty đầu tiên được cổ phần hóa vào năm 1993. Các hoạt động kinh doanh chính bao gồm cảng, vận tải và logistics, bắt đầu sản và công ty đã mở rộng thêm trọng cao su từ năm 2011. Sau khi bán Gemadept Tower trong năm 2014 và thoái vốn một phần mảng logistics trong năm 2018, GMD tập trung vào mảng kinh doanh cốt lõi là vận hành cảng biển và mảng logistics có tỷ trọng nhỏ hơn. Năm 2021, GMD đưa vào vận hành Gemalink là cảng nước sâu lớn nhất khu vực Cái Mép – Thị Vải.

KQKD Q1/2025: Vươn lên trong bất ổn

- KQKD Q1/2025 ấn tượng:** GMD ghi nhận sản lượng container Q1/2025 đạt 1,3 triệu TEU, tăng 30% svck, được thúc đẩy bởi hoạt động tích trữ hàng hóa của các doanh nghiệp để tránh rủi ro thuế quan. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 583 tỷ đồng, tương đương LNTT cốt lõi tăng 57% svck. Công ty kỳ vọng kết quả tương tự trong Q2/2025.
- Tác động tiềm năng của thuế quan:** Sản lượng hàng hóa đến Mỹ của GMD hiện chiếm khoảng 15% tổng sản lượng. Trong ngắn hạn, công ty sẽ được hưởng lợi từ hoạt động tích trữ hàng hóa, giúp sản lượng tăng mạnh trong quý 1 và dự kiến sẽ tiếp diễn trong quý 2. Tuy nhiên, trong trường hợp thuế đối ứng không được đàm phán thành công để giảm xuống từ mức đề xuất 46%, chúng tôi kỳ vọng áp lực lên sản lượng và kết quả kinh doanh sẽ bắt đầu có tác động từ nửa cuối năm 2025.
- Giá xếp dỡ hàng hóa dự kiến tăng 10 -15%** trong nửa cuối năm 2025 đối với cảng nước sâu.
- 3 kịch bản thuế quan:** Dựa trên 3 kịch bản thuế quan 10%/20%/30%, chúng tôi điều chỉnh LNTT lần lượt là 0%/-15%/-22% từ ước tính trước.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN**, và điều chỉnh giá mục tiêu xuống **58.800 đồng/cp** – tương đương tiềm năng tăng giá là khoảng 15%. GMD vẫn là cổ phiếu yêu thích của chúng tôi trong ngành vận tải với chất lượng tài sản tốt và tài chính mạnh để ứng phó với những cú sốc ngắn hạn.

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	2.643	2.606	3.206	3.898	3.846	4.832	4.311	4.595
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	-2,4%	-1,4%	23,1%	21,6%	-1,3%	25,7%	-10,8%	6,6%
Lợi nhuận gộp	1.013	950	1.142	1.718	1.778	2.162	1.925	1.894
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	38,3%	36,4%	35,6%	44,1%	46,2%	44,7%	44,7%	41,2%
Thu nhập tài chính	107	28	40	24	1.941	418	165	241
Chi phí tài chính	-147	-159	-108	-166	-155	-150	-164	-253
SG&A	-469	-479	-449	-667	-661	-816	-728	-776
Thu nhập ròng khác	-37	16	-55	0	-30	-349	86	92
Lợi nhuận trước thuế	705	513	806	1.308	3.147	2.080	2.071	2.144
<i>Tăng trưởng LNTT</i>	-67,7%	-27,3%	57,3%	62,3%	140,5%	-33,9%	-0,4%	3,5%
Lợi nhuận ròng	614	440	721	1.161	2.534	1.905	1.898	1.964
<i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	-67,7%	-28,2%	63,6%	61,2%	118,2%	-24,8%	-0,4%	3,5%
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	23,2%	16,9%	22,5%	29,8%	65,9%	39,4%	44,0%	42,8%
EPS (VND)	1.602	1.149	1.869	3.034	7.207	4.285	3.188	3.300

Nguồn: GMD, SSI Research

Chúng tôi đã tham dự cuộc họp Chuyên viên phân tích của công ty để cập nhật về KQKD Q1/2025 và tác động tiềm năng của chính sách thuế đối ứng của Tổng thống Trump. Một số điểm chính từ cuộc họp như sau:

KQKD Q1/2025

- Tổng sản lượng tăng 30% svck lên 1,13 triệu tấn, trong đó sản lượng của cảng Nam Đình Vũ và Gemalink lần lượt tăng 29% và 24% svck, đạt 357 nghìn TEU và 500 nghìn TEU.
- Doanh thu hợp nhất đạt 1,3 nghìn tỷ đồng, tăng 27% svck, trong đó doanh thu cảng tăng 35% svck, cho thấy giá dịch vụ cảng bình quân đã cải thiện 5% svck.
- LNTT hợp nhất đạt 583 tỷ đồng, cao hơn kỳ vọng của chúng tôi là 450 tỷ đồng, và tương đương mức tăng trưởng LNTT cốt lõi đạt 57% svck (không bao gồm khoản thu nhập bất thường 340 tỷ đồng từ việc thoái vốn cảng trong Q1/2024).

Tác động tiềm năng của thuế quan:

- Sản lượng hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ của Gemadept chiếm 10% sản lượng cảng Nam Đình Vũ và 20% sản lượng cảng Gemalink. Trung bình khoảng 15% sản lượng của Gemadept sẽ trực tiếp chịu ảnh hưởng thuế quan của Mỹ. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, Việt Nam cũng nhập khẩu nguyên liệu đầu vào từ thị trường Nội Á (như Trung Quốc, Hàn Quốc,...) để sản xuất và xuất khẩu sang Mỹ. Do đó, sản lượng bị ảnh hưởng bởi thuế quan có thể lên đến khoảng 20 - 25% tổng sản lượng.
- Ban lãnh đạo nhận thấy GMD sẽ được hưởng lợi trong ngắn hạn từ hoạt động tích trữ hàng hóa, giúp cho sản lượng tăng mạnh trong quý 1, và dự kiến sẽ tiếp diễn trong cả quý 2. Tuy nhiên, tác động của thuế quan (nếu không đàm phán giảm thành công từ mức 46%) dự kiến sẽ bắt đầu từ nửa cuối năm 2025.
- Kế hoạch hành động: Công ty có 5 nghìn tỷ đồng tiền mặt để ứng phó với căng thẳng chiến tranh thương mại trong ngắn hạn. Khách hàng của GMD - các doanh nghiệp xuất khẩu cũng đang mở rộng dịch vụ sang thị trường không phải Mỹ. Trong Q2/2025, Gemalink sẽ mở thêm 4 tuyến dịch vụ mới sang Châu Âu, Châu Phi, Canada, và Brazil. Gemadept cũng đã cải thiện lợi thế cạnh tranh của mình (vị trí cảng thuận lợi, hệ sinh thái logistics mạnh để cung cấp chuỗi cung ứng hoàn chỉnh, CMA CMG – hãng tàu lớn thứ 3 & thành viên của Ocean Alliance – là cổ đông của Gemalink). Do đó, GMD lạc quan rằng công ty sẽ ít bị tác động từ thuế quan hơn so với các cảng khác và cũng sẽ phục hồi nhanh hơn theo thời gian.

Cập nhật dự án mở rộng:

- Nam Đình Vũ giai đoạn 3: Việc xây dựng đang được thực hiện đúng tiến độ và dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong Q4/2025. Dự án này sẽ giúp mở rộng 60% công suất cảng Nam Đình Vũ và 23% công suất của GMD.
- Gemalink Giai đoạn 2A: vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ pháp lý. Công ty dự kiến sẽ nhận được phê duyệt pháp lý trong nửa đầu năm 2025. Hoàn thành giai đoạn này sẽ giúp công suất của Gemalink tăng 600k TEU hay tăng 50% công suất cũ.
- Dự án Cái Mép Hạ: Công ty đang tham gia đấu thầu cùng đối tác (SSA Marines Corp – USA), cùng với 9 nhà thầu khác (bao gồm Vingroup, SunGroup, Geleximco). Ban lãnh đạo không kỳ vọng kết quả đấu thầu sẽ có sớm hơn năm 2026. Theo chúng tôi, dự án này là một dự án quan trọng đối với tăng trưởng dài hạn của GMD, cùng với các dự án cảng nước sâu khác như Nam Đồ Sơn, Lạch Huyện.

Giá xếp dỡ hàng hóa tăng

- Chính phủ đang thúc đẩy tăng 10 – 15% mức giá sàn đối với dịch vụ xếp dỡ hàng hóa cho cảng nước sâu (trước đó đã tăng 10% trong năm 2023 cho cả cảng nước sâu và cảng biển thông thường): Chúng tôi cho rằng đây là yếu tố hỗ trợ cho cổ phiếu GMD do sản lượng cảng nước sâu chiếm gần 50% sản lượng container của công ty. Từ phía Chính phủ, việc tăng phí cảng sẽ giúp cho các chủ cảng có nhiều nguồn lực hơn để phát triển các cảng mới và tốt hơn, phù hợp với sự thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng của Chính phủ hiện nay.

Quan điểm của chúng tôi

Với nền kinh tế mở của Việt Nam (giá thị trường gấp khoảng 2 lần GDP) và tỷ lệ xuất khẩu sang Mỹ lớn, ngành cảng biển và logistics sẽ chịu tác động trực tiếp nếu mức thuế quan cuối cùng của Mỹ lên Việt Nam vượt mức 20%. Trong dài hạn, điều này sẽ dẫn đến khả năng giảm vốn đầu tư FDI tại Việt Nam do các nhà đầu tư dịch chuyển chuỗi cung ứng sang các quốc gia có mức thuế thấp hơn. Do đó, chúng tôi cần thêm thời gian để đánh giá tiến trình đàm phán giữa Mỹ và Việt Nam, về mức thuế cuối cùng có thể tăng lên bao nhiêu. Trong ngắn hạn, sản lượng và lợi nhuận ngành cảng biển dự kiến duy trì tích cực đến quý 2, hoặc có thể sang quý 3 nếu việc trì hoãn áp thuế được kéo dài. Tuy nhiên, chúng tôi không cho rằng đây là yếu tố hỗ trợ mạnh cho giá cổ phiếu do rủi ro bị đánh thuế vẫn còn. Chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi các cuộc đàm phán thương mại giữa Mỹ và Việt Nam.

Để đánh giá tác động tiềm năng của thuế đối ứng lên lợi nhuận và định giá của GMD, chúng tôi đưa ra 3 kịch bản như sau:

	Kịch bản tốt nhất	Kịch bản cơ sở	Kịch bản xấu nhất
	Thuế = 10%	Thuế = 20%	Thuế = 30% trở lên
Xuất khẩu sang Mỹ giảm (%)	0%	-50%	-100%
Sản lượng của GMD giảm (từ kịch bản không có thuế quan) (%)	0%	-10%	-15%
Ước tính LNTT 2025 (tỷ đồng)	2.439	2.071	1.906
% Tăng trưởng cốt lõi svck	6,60%	-9,50%	-17%
% Lợi nhuận điều chỉnh từ ước tính gần nhất	0%	-15%	-22%
Định giá (dựa trên DCF) (đồng/cp)	69.300	58.800	52.600
% tăng giá (từ mức giá hiện nay là 51.000/đồng/cp)	35,8%	15%	3,1%

Nguồn: GMD, SSI Research

Ngay cả trong kịch bản xấu nhất với mức thuế quan lớn hơn hoặc bằng 30%, chúng tôi cho rằng cổ phiếu GMD vẫn có tiềm năng tăng giá. Giá cổ phiếu hiện chưa phản ánh giá trị của việc thoái vốn các tài sản không cốt lõi, mà chúng tôi ước tính có giá trị tài sản ròng (NAV) đạt khoảng 11.000 đồng/cp. Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN**, mặc dù hạ giá mục tiêu xuống **58.800 đồng/cp**, dựa trên kịch bản cơ sở với giá định mức thuế đối ứng là 20%. Mặc dù thị trường còn nhiều bất ổn, GMD vẫn là cổ phiếu yêu thích của thích của tôi trong ngành cảng biển.

Yếu tố hỗ trợ ngắn hạn đối với cổ phiếu là việc giảm thuế quan/chiến tranh thương mại hạ nhiệt, tin tức về phê duyệt pháp lý của Gemalink Giai đoạn 2 và việc thoái vốn khỏi các tài sản không cốt lõi.

Rủi ro: Mức thuế đối ứng của Mỹ lên Việt Nam cao hơn dự kiến.

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.364	1.472	3.964	5.824
+ Đầu tư ngắn hạn	82	359	1.021	1.021
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	868	1.193	1.235	1.334
+ Hàng tồn kho	83	68	83	72
+ Tài sản ngắn hạn khác	222	288	372	319
Tổng tài sản ngắn hạn	2.619	3.380	6.676	8.570
+ Các khoản phải thu dài hạn	45	40	45	44
+ GTCL Tài sản cố định	3.262	4.166	4.033	4.068
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	2.790	1.759	1.717	1.717
+ Đầu tư dài hạn	3.065	3.125	3.841	3.841
+ Tài sản dài hạn khác	1.249	1.076	1.674	1.077
Tổng tài sản dài hạn	10.412	10.166	11.310	10.746
Tổng tài sản	13.031	13.546	17.986	19.316
+ Nợ ngắn hạn	3.211	1.915	2.107	2.035
Trong đó: vay ngắn hạn	543	445	422	468
+ Nợ dài hạn	1.872	1.898	2.125	2.160
Trong đó: vay dài hạn	1.486	1.518	1.745	1.745
Tổng nợ phải trả	5.083	3.814	4.232	4.194
+ Vốn góp	3.014	3.059	4.140	4.140
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.942	1.942	3.920	3.920
+ Lợi nhuận chưa phân phối	1.227	2.964	3.621	4.527
+ Quý khác	1.765	1.768	2.072	2.535
Vốn chủ sở hữu	7.948	9.732	13.753	15.122
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	13.031	13.546	17.986	19.316
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	2.299	-3	1.647	2.627
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-1.235	915	-1.495	-400
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-338	-808	2.337	-368
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	727	105	2.489	1.859
Tiền đầu kỳ	637	1.364	1.472	3.964
Tiền cuối kỳ	1.364	1.472	3.964	5.824
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	0,82	1,76	3,17	4,21
Hệ số thanh toán nhanh	0,72	1,58	2,95	4,02
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,45	0,96	2,37	3,36
Nợ ròng / EBITDA	0,53	0,16	-0,25	-1,10
Khả năng thanh toán lãi vay	11,01	24,32	15,91	14,37
Ngày phải thu	45,8	53,5	44,7	52,6
Ngày phải trả	102,0	119,7	66,9	76,2
Ngày tồn kho	12,7	13,3	10,4	11,9
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,61	0,72	0,76	0,78
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,39	0,28	0,24	0,22
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,64	0,39	0,31	0,28
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,20	0,16	0,15
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,05	0,03	0,03

Nguồn: GMD, SSI dự báo

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	3.898	3.846	4.832	4.311
Giá vốn hàng bán	-2.180	-2.068	-2.671	-2.386
Lợi nhuận gộp	1.718	1.778	2.162	1.925
Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.941	418	165
Chi phí tài chính	-166	-155	-150	-164
Thu nhập từ các công ty liên kết	399	274	816	787
Chi phí bán hàng	-142	-110	-247	-221
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-524	-552	-569	-508
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.309	3.177	2.429	1.985
Thu nhập khác	0	-30	-349	86
Lợi nhuận trước thuế	1.308	3.147	2.080	2.071
Lợi nhuận ròng	1.161	2.534	1.905	1.898
Lợi nhuận chia cho cổ đông	994	2.251	1.459	1.435
Lợi ích của cổ đông thiểu số	167	283	446	463
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	3.034	7.207	4.285	3.188
Giá trị sổ sách (VND)	22.981	28.050	29.919	32.107
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.000	2.000	2.200	1.000
EBIT	1.439	3.282	2.219	2.226
EBITDA	1.832	3.679	2.625	2.462
Tăng trưởng				
Doanh thu	21,6%	-1,3%	25,7%	-10,8%
EBITDA	40,4%	100,8%	-28,7%	-6,2%
EBIT	55,5%	128,1%	-32,4%	0,3%
Lợi nhuận ròng	61,2%	118,2%	-24,8%	-0,4%
Vốn chủ sở hữu	12,8%	22,5%	41,3%	10,0%
Vốn điều lệ	0,0%	1,5%	35,3%	0,0%
Tổng tài sản	21,4%	4,0%	32,8%	7,4%
Định giá				
P/E	23,1	9,0	15,2	14,7
P/B	3,1	2,3	1,6	1,5
Giá/Doanh thu	5,4	5,1	3,5	4,5
Tỷ suất cổ tức	2,2%	1,4%	3,1%	4,7%
EV/EBITDA	7,8	5,9	7,5	8,0
EV/Doanh thu	3,7	5,6	4,1	4,5
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	44,1%	46,2%	44,7%	44,7%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	36,7%	84,1%	51,9%	45,9%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	29,8%	65,9%	39,4%	44,0%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,6%	2,8%	5,1%	5,1%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	13,5%	14,4%	11,8%	11,8%
ROE	15,5%	15,5%	28,7%	16,2%
ROA	9,8%	19,1%	12,1%	10,2%
ROIC	13,5%	24,4%	14,7%	12,3%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6732

Phân tích Ngành Vận tải

Nguyễn Hoàng Giang

Trưởng phòng Phân tích

giangnh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8703

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702